

Số: /BC-STP

Tuyên Quang, ngày tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả công tác cải cách hành chính quý III năm 2021 *(Số liệu từ ngày 15/6/2021 đến ngày 14/9/2021)*

Thực hiện Kế hoạch số 136/KH-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh về cải cách hành chính tỉnh Tuyên Quang năm 2021; Văn bản số 34/SNV-CCHC-VTLT ngày 15/01/2021 của Sở Nội vụ về việc báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính định kỳ, Sở Tư pháp báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý III năm 2021, như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Về ban hành Kế hoạch và các văn bản triển khai thực hiện

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ công tác cải cách hành chính đã được đề ra tại Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 27/02/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình công tác tư pháp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2021; Kế hoạch thực hiện Chương trình công tác tư pháp năm 2021 (*ban hành kèm theo Quyết định số 24/QĐ-STP ngày 19/01/2021 của Sở Tư pháp*) và Kế hoạch công tác cải cách hành chính của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang năm 2021 (*Quyết định số 231/QĐ-STP ngày 30/12/2020*).

- Trong kỳ báo cáo, Sở Tư pháp đã ban hành Kế hoạch số 41/KH-STP ngày 12/8/2021 về việc tổ chức Cuộc thi trực tuyến “*Tìm hiểu công tác cải cách hành chính*” năm 2021 và 18 văn bản để triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính của Sở Tư pháp.

2. Công tác kiểm tra về cải cách hành chính

Sở Tư pháp đã ban hành Quyết định số 131/QĐ-STP ngày 28/5/2021 về việc ban hành Kế hoạch tự kiểm tra công tác cải cách hành chính của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang năm 2021 và tổ chức triển khai thực hiện. Trong kỳ báo cáo, Sở Tư pháp đã tổ chức tự kiểm tra, báo cáo kết quả tự kiểm tra công tác tổ chức bộ máy, quản lý biên chế, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động; xây dựng vị trí việc làm và bố trí công chức, viên chức theo vị trí việc làm; tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; việc thực hiện văn hóa công vụ; xây dựng chính quyền cơ sở; công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2021 của Sở Tư pháp từ ngày 01/9/2020 đến ngày 15/8/2021 theo Kế hoạch số

118/KH-UBND ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh¹. Ngoài ra, việc tự kiểm tra công tác cải cách hành chính đã được Sở Tư pháp duy trì thực hiện thường xuyên, gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, hàng ngày, hàng tháng tự kiểm tra gắn với việc tự kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, của ngành, qua đó đã kịp thời phát hiện những vướng mắc, bất cập trong công tác cải cách hành chính của cơ quan để chấn chỉnh, rút kinh nghiệm hoặc tháo gỡ ngay trong các buổi giao ban 15 phút đầu giờ buổi sáng làm việc hằng ngày và giao ban công tác tư pháp định kỳ.

3. Công tác tuyên truyền về cải cách hành chính

Giám đốc Sở Tư pháp đã thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và cập nhật các thông tin về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, các văn bản chỉ đạo của trung ương, của tỉnh có liên quan đến công tác cải cách hành chính tới toàn thể công chức, viên chức, người lao động Sở Tư pháp.

Trong kỳ báo cáo, Sở Tư pháp đã tổ chức Hội nghị sơ kết công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực tư pháp 06 tháng đầu năm 2021 và triển khai công tác 6 tháng cuối năm 2021 theo hình thức trực tuyến với 08 điểm cầu; tổ chức Cuộc thi trực tuyến “*Tìm hiểu công tác cải cách hành chính*” năm 2021 cho công chức, viên chức, người lao động Sở Tư pháp, kết quả đã có 47 công chức, viên chức, người lao động đã tham gia dự thi, Sở Tư pháp đã trao 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba, 03 giải khuyến khích và 02 giải tập thể cho các tập thể, cá nhân có bài dự thi đạt kết quả cao nhất với tổng giá trị giải thưởng là 5,6 triệu đồng. Tuyên truyền, quán triệt các văn bản chỉ đạo của Trung ương và địa phương có liên quan đến cải cách hành chính thông qua các cuộc giao ban hàng tháng và 28 buổi giao ban đầu giờ làm việc buổi sáng hàng ngày; Sao gửi 61 văn bản điện tử về cải cách hành chính và các văn bản có liên quan đến từng công chức, viên chức, người lao động của Sở Tư pháp và Phòng Tư pháp các huyện, thành phố thông qua tài khoản cá nhân trên phần mềm Hệ thống “*Quản lý văn bản và điều hành*”; Đăng tải, chia sẻ 1.084 tin, bài, ảnh, văn bản, tài liệu, thông tin pháp luật trên Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp, Trang Thông tin điện tử Phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh và Fanpage Phổ biến giáo dục pháp luật Tuyên Quang² tiếp cận 11.249 người, thu hút 1.735 lượt tương tác, chia sẻ... Phối hợp với Sở Thông tin và truyền thông thực hiện đăng tải đầy đủ các thủ tục hành chính về lĩnh vực tư pháp trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang sau khi được Chủ tịch UBND tỉnh công bố; đồng thời đăng tải trên Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp; thực hiện niêm yết đầy đủ các thủ tục hành chính thuộc

¹ Báo cáo số 185/BC-STP ngày 23/8/2021 của Sở Tư pháp về kết quả thực hiện công tác tổ chức bộ máy, quản lý biên chế, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động; xây dựng Đề án vị trí việc làm; bổ nhiệm, đào tạo bồi dưỡng, đánh giá, phân loại công chức, viên chức; cải cách hành chính năm 2021.

² Gồm: 371 tin, bài, ảnh, văn bản trên Trang Thông tin điện tử Phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Tuyên Quang; 1.442 tin, bài, ảnh, văn bản trên Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp; chia sẻ 203 thông tin Fanpage Phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Tuyên Quang

thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tư pháp.

4. Sáng kiến trong thực hiện công tác cải cách hành chính

Trong kỳ báo cáo, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1157/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 về việc công nhận sáng kiến cấp tỉnh đối với 04 sáng kiến, giải pháp của Sở Tư pháp liên quan đến công tác cải cách hành chính³.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về cải cách thể chế

1.1. Công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

Trong kỳ báo cáo, Sở Tư pháp đã trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành **03** văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh⁴; ban hành theo thẩm quyền **15** văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện. Lập Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh quy định chi tiết 03 luật được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 9, thứ 10⁵; Kiểm tra **01** đề nghị xây dựng quyết định QPPL của UBND tỉnh; thành lập **04** Hội đồng tư vấn thẩm định văn bản QPPL; hoàn thành thẩm định **01** đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh và **21** dự thảo văn bản QPPL; tham gia ý kiến **100** dự thảo văn bản (*tăng 53 văn bản so với cùng kỳ năm 2020*); tự kiểm tra **04** văn bản do HĐND, UBND tỉnh ban hành. Biên soạn, in 200 cuốn tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và 250 cuốn "*Tập hợp các Văn bản Quy phạm pháp luật do Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành năm 2020*" cung cấp cho các cơ quan, đơn vị; Cập nhật 04 văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành vào Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh Tuyên Quang trực thuộc Cơ sở dữ liệu Quốc gia về văn bản pháp luật, lũy kế đến thời điểm hiện tại

³ Gồm: (1) Giải pháp tăng cường rà soát, đề nghị xử lý các nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang có nội dung không còn phù hợp với Hiến pháp, pháp luật hiện hành và tình hình kinh tế-xã hội của địa phương; (2) Giải pháp cải cách hành chính thực hiện chế độ báo cáo của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang tại các quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang; (3) Giải pháp tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang; (4) Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phối hợp thực hiện thủ tục hành chính liên thông kết nối dữ liệu đăng ký khai sinh để cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi và cung cấp danh sách thành viên hộ gia đình báo giảm khai tử trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giữa Bảo hiểm xã hội tỉnh và Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang

⁴ Gồm: (1) Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 28/7/2021 rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành nhiệm kỳ 2016 - 2021; (2) Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 22/7/2021 về thực hiện Kết luận số 83-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; (3) Văn bản số 2544/UBND-NC ngày 26/7/2021 về việc nâng cao chất lượng xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật;.

⁵ Văn bản số 731/STP-XDKTTHPL&PBGDPL ngày 12/7/2021.

đã thực hiện cập nhật 945 văn bản (gồm: 227 Nghị quyết, 679 Quyết định, 39 Chỉ thị).

- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh đã thực hiện đánh giá tác động đối với 19 thủ tục hành chính. Sở Tư pháp đã tham gia ý kiến 16 thủ tục hành chính, thẩm định 19 thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

1.2. Công tác theo dõi thi hành pháp luật

Triển khai thực hiện kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, kết quả thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2021⁶. Báo cáo tổng kết, tình hình thi hành 06 Luật⁷; đánh giá tình hình thực hiện 09 Quyết định của UBND tỉnh⁸. Rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung 29 nội dung quy định của pháp luật gây vướng mắc trong đầu tư, kinh doanh⁹. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị giải quyết 03 vụ việc vướng mắc trong thi hành pháp luật.

2. Về cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

2.1. Công tác kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC)

a) Công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC

⁶ Văn bản số 968/STP-XDKTTHPL&PBGDPL ngày 30/8/2021 đề nghị báo cáo tự kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, kết quả thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2021.

⁷ Gồm: Luật Tiếp cận thông tin năm 2016; Luật Nhà ở năm 2014; Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014; Luật Di sản văn hóa năm 2001 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006 và Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa năm 2007

⁸ (1) Quyết định số 20/2008/QĐ-UBND ngày 21/9/2008 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về tiêu chí phân vùng, phân loại đường phố và phân vị trí đất làm căn cứ phân vùng, phân loại đường phố, phân vị trí đất để định giá đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; (2) Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 13/3/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành giá cước bốc xếp bằng thủ công một số loại vật liệu, vật tư, hàng hoá chủ yếu trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; (3) Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 28/01/2016 của UBND tỉnh về ban hành quy định chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; (4) Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND, ngày 20/6/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định quy trình lập, thẩm định phương án giá, thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập, thẩm định phương án giá; phân cấp quản lý giá đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang; (5) Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh quy định cước vận tải hàng hoá bằng ô tô trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; (6) Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Quy định mức tỷ lệ phân trăm (%) để tính đơn giá thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá; đơn giá thuê đất có mặt nước; đơn giá thuê đất đối với đất xây dựng công trình ngầm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; (7) Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của UBND tỉnh Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về tài sản (vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi) gắn liền với đất bị thu hồi khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; (8) Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc quy định giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản là nhà trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; (9) Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

⁹ Văn bản số 760/STP-XDKTTHPL&PBGDPL ngày 13/7/2021; Báo cáo số 190/BC-STP ngày 30/8/2021.

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính của Sở Tư pháp năm 2021 (*ban hành kèm theo Quyết định số 57/QĐ-STP ngày 20/02/2021*); Quyết định về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 29/4/2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ; đẩy mạnh việc giải quyết TTHC trên môi trường điện tử tại Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang (*Quyết định số 126/QĐ-STP ngày 24/5/2021*).

b) Trình công bố TTHC

Sở Tư pháp đã xây dựng, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1057/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 về việc công bố danh mục 181 TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang, trong đó có 116 TTHC cấp tỉnh, 24 TTHC cấp huyện, 33 TTHC cấp xã và 08 TTHC dùng chung (*gồm: 04 TTHC dùng chung 03 cấp; 01 TTHC dùng chung cấp tỉnh, cấp huyện; 03 TTHC dùng chung cấp huyện, cấp xã*).

c) Niêm yết, công khai TTHC

Sở Tư pháp đã thực hiện niêm yết, công khai đầy đủ, chính xác, kịp thời **121** TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc theo đúng quy định (*trong đó có 111 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp; 09 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc; 01 TTHC vừa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, vừa thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị sự nghiệp*); đăng tải, niêm yết công khai **181/181** thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tư pháp Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp (*địa chỉ: "tuphaptuyenquang.gov.vn"*) đồng thời phối hợp với Sở Thông tin và truyền thông đăng tải trên Cổng thông tin điện tử, Cổng dịch vụ công của tỉnh theo quy định.

d) Việc rà soát, kiến nghị phương án đơn giản hóa TTHC

Sở Tư pháp đã tổ chức rà soát, đề xuất UBND tỉnh thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đối với **03** TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh Tuyên Quang trong lĩnh vực tư pháp (*Tờ trình số 49/TTr-STP ngày 04/6/2021*). Tiếp tục duy trì thực hiện cắt giảm tối thiểu 33,3%, tối đa 83,3% thời gian giải quyết TTHC so với quy định đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở trên tinh thần phục vụ tốt nhất cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính.

đ) Việc tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính: Không phát sinh.

e) Kết quả giải quyết TTHC

Trong kỳ báo cáo, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Tư pháp và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp đã tiếp nhận **5.889** hồ sơ yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính; đã giải quyết trước và đúng

hạn **5.803** hồ sơ, đạt 100%, còn **86** hồ sơ mới tiếp nhận đang trong thời gian giải quyết. Trong đó Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã tiếp nhận **445** hồ sơ¹⁰ (*giảm 754 hồ sơ so với cùng kỳ năm 2020*), trong đó có 360 hồ sơ trực tuyến, chiếm 81,6% (*tăng 47% so với cùng kỳ năm 2020*) và 89 hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích, chiếm 20,2%, đã giải quyết trước và đúng hạn **359** hồ sơ (*giảm 781 phiếu so với cùng kỳ năm 2020*), trong đó trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích 298/359 trường hợp, đạt 83% (*tăng 27,2% so với cùng kỳ năm 2020*), còn **86** hồ sơ lĩnh vực lý lịch tư pháp mới tiếp nhận đang trong thời gian giải quyết.

2.2. Việc triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

a) Việc kiện toàn Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; ban hành Quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

Sở Tư pháp đã ban hành và tổ chức thực hiện nghiêm Quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Sở Tư pháp (*ban hành kèm theo Quyết định số 189/QĐ-STP ngày 28/11/2018*); thường xuyên thực hiện rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy bộ phận Một cửa. Thực hiện Quyết định 526/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang, Sở Tư pháp đã tiến hành rà soát, đề xuất phương án cử 02 công chức (*01 chính thức, 01 dự phòng*) đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang (*Văn bản số 998/STP-VP ngày 08/9/2021*).

b) Tổ chức đánh giá chất lượng giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh

Sở Tư pháp đã triển khai thực hiện thu thập phiếu đánh giá trực tiếp dành cho tổ chức, cá nhân theo Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh, đồng thời tổ chức thực hiện việc khảo sát sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đến thực hiện TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC của Sở Tư pháp trên Hệ thống khảo sát sự hài lòng (*tại địa chỉ <http://sipas.tuyenquang.gov.vn>*) do Sở Nội vụ cung cấp. Kết quả, trong kỳ báo cáo đã thực hiện thu thập phiếu đánh giá, khảo sát sự hài lòng đối với **506** lượt tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC của Sở Tư pháp (*trong đó có 61 lượt khảo sát theo Quyết định số 661/QĐ-UBND; 445 lượt khảo sát trên hệ thống Sipas*) 100% ý kiến khảo sát đều đánh giá “*hài lòng*” với sự phục vụ của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC của Sở Tư pháp.

¹⁰ Trong đó có 437 hồ sơ lĩnh vực lý lịch tư pháp, 03 hồ sơ lĩnh vực công chứng, 03 hồ sơ lĩnh vực thừa phát lại, 01 hồ sơ lĩnh vực tư vấn pháp luật, 01 hồ sơ lĩnh vực hộ tịch

c) Việc bố trí công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; trang thiết bị, cơ sở vật chất cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

Sở Tư pháp đã bố trí, phân công công chức có trình độ chuyên môn luật để kiểm tra hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ TTHC; thường xuyên rà soát, bố trí phòng làm việc, trang thiết bị theo quy định; duy trì trực giải quyết TTHC vào sáng ngày thứ 7 hàng tuần với sự tham gia của 01 lãnh đạo Sở và 01 công chức tiếp nhận, trả kết quả giải quyết hồ sơ TTHC; trong quá trình giải quyết TTHC, Giám đốc Sở đã trực tiếp theo dõi, điều hành thông qua hệ thống camera giám sát, khi cùng thời điểm có nhiều cá nhân đến giao dịch tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Tư pháp, Giám đốc trực tiếp chỉ đạo phòng chuyên môn có liên quan tăng cường công chức để hỗ trợ hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ TTHC sau khi đã đăng ký trực tuyến đảm bảo nhanh chóng, kịp thời.

d) Sự phối hợp giữa các ngành, đơn vị có liên quan trong việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông

Việc phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc giải quyết các TTHC theo cơ chế một cửa liên thông được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục quy định, quy trình nội bộ, quy trình điện tử, đảm bảo hồ sơ được giải quyết đúng thời hạn theo quy định.

đ) Thực hiện việc xin lỗi cá nhân, tổ chức khi để xảy ra sai sót, quá hạn trong giải quyết thủ tục hành chính: Không phát sinh.

3. Về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Sở Tư pháp đã trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh 03 dự thảo văn bản về kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp, gồm: (1) Dự thảo Quyết định quy phạm pháp luật của UBND tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang; (2) Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh Quy định cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang; (3) Dự thảo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Quy định số lượng cấp phó các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Văn phòng Sở, Thanh Tra Sở và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang (*Tờ trình số 71/TTr-STP ngày 09/8/202*); ban hành 12 văn bản hướng dẫn, triển khai, báo cáo về công tác tổ chức cán bộ, xây dựng ngành; 02 Quyết định về công tác cán bộ. Chủ trì và phối hợp tổ chức 04 hội nghị, hội thảo, tọa đàm trực tuyến, gồm: Chủ trì tổ chức 01 Hội nghị trực tuyến giao ban công tác tư pháp 6 tháng đầu năm 2021 với Phòng Tư pháp các huyện, thành phố với 08 điểm cầu; kết nối Hội nghị trực tuyến toàn tỉnh quán triệt, triển khai các nghị quyết, đề án thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII và Nghị quyết đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ XVII với 45 đảng viên, công chức, viên chức, người lao động tham gia; phối hợp với các vụ, cục thuộc Bộ Tư pháp kết nối 02 Hội thảo, tọa đàm trực tuyến về công tác tư pháp.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức

4.1. Việc xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 2033/QĐ-BNV ngày 31/12/2015 của Bộ Nội vụ phê duyệt danh mục vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 489/QĐ-UBND ngày 31/12/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt bản mô tả và khung năng lực theo danh mục vị trí việc làm của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 31/12/2018 phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu, số lượng người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập; Sở Tư pháp đã bố trí công chức, người lao động các phòng, đơn vị thuộc Sở theo đúng vị trí việc làm và đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo khung năng lực theo danh mục vị trí việc làm đã được UBND tỉnh phê duyệt và phù hợp với biên chế được giao; các đơn vị sự nghiệp được giao tự chủ chi thường xuyên tiếp tục thực hiện Đề án vị trí việc làm, phê duyệt Bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp đã ban hành theo quy định.

4.2. Tuyển dụng, tiếp nhận công chức, viên chức

Sở Tư pháp đã tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả rà soát, đăng ký nhu cầu tuyển dụng công chức, viên chức; tiếp nhận công chức, viên chức 6 tháng cuối năm 2021 (*Báo cáo số 142/BC-STP ngày 14/7/2021*); ban hành Văn bản số 952/STP-VP ngày 24/8/2021 về việc rà soát, khẳng định tính chính xác trong việc đăng ký tuyển dụng, tiếp nhận công chức, viên chức năm 2021.

4.3. Việc thực hiện các quy định về quản lý công chức, viên chức

Việc quản lý công chức, viên chức của Sở Tư pháp được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật, quy định hiện hành của tỉnh, cụ thể:

- Giám đốc Sở Tư pháp thực hiện quản lý đối với Trưởng, phó trưởng phòng đơn vị thuộc Sở Tư pháp, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở (*chỉ quản lý thông qua công tác bổ nhiệm, nâng lương, đánh giá, kỷ luật .v.v không trực tiếp quản lý con người, phân công nhiệm vụ*), công chức các phòng đơn vị thuộc Sở và người lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ tại Văn phòng Sở Tư pháp.

- Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở trực tiếp quản lý đối với Phó Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp, Trưởng, Phó phòng thuộc đơn vị sự nghiệp, viên chức, người lao động thuộc đơn vị sự nghiệp.

4.4. Thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức

Công chức, viên chức Sở Tư pháp được chuyển xếp lương theo ngạch, bậc tương ứng với trình độ đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ; có chế độ nâng lương, phụ cấp tương ứng với từng chức vụ, chức danh cán bộ, công chức.

Trong kỳ báo cáo, Sở Tư pháp đã ban hành 03 Quyết định về việc nâng bậc lương thường xuyên đối với 03 công chức, viên chức (*01 công chức, 02 viên chức*) và tổ chức thực hiện¹¹.

4.5. Việc đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức

Sở Tư pháp tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 05/KH-STP ngày 16/01/2021 về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức Sở Tư pháp năm 2021, trong kỳ báo cáo đã xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 về việc phê duyệt bổ sung dự toán kinh phí tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu và cập nhật kiến thức cho công chức phòng Tư pháp cấp huyện, công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang cho Sở Tư pháp năm 2021; ban hành Kế hoạch số 23/KH-STP ngày 01/6/2021 về việc tổ chức Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xử lý vi phạm hành chính năm 2021 và tổ chức triển khai thực hiện; thực hiện đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2021¹²; cử 06 lượt công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng.

4.6. Thực hiện chính sách tinh giản biên chế

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 10/KH-STP ngày 03/3/2021 về việc tinh giản số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP giai đoạn 2022-2025; trong kỳ báo cáo đã thực hiện tổng kết và báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (*Báo cáo số 157/BC-STP ngày 29/7/2021*).

5. Cải cách tài chính công

5.1. Tình hình thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ

Sở Tư pháp đã ban hành Quyết định số 228/QĐ-STP ngày 28/12/2020 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 đối với Văn phòng Sở và 03 đơn vị trực thuộc Sở; thực hiện công khai dự toán, quyết toán ngân sách theo quy định. Tổ chức quản lý, sử dụng dự toán và quyết toán kinh phí được giao đảm bảo đúng nội dung, mục đích, đúng nguyên tắc, đúng chế độ tài chính theo quy định hiện hành của Nhà nước.

5.2. Tình hình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính theo Nghị định số

¹¹ (1) Quyết định số 146/QĐ-STP ngày 01/7/2021 về việc nâng bậc lương đối với viên chức Võ Huy Thông; (2) Quyết định số 167/QĐ-STP ngày 02/8/2021 về việc nâng bậc lương đối với viên chức Đinh Thị Phương Lan; (3) Quyết định số 168/QĐ-STP ngày 02/8/2021 về việc nâng bậc lương đối với bà Hán Thị Thu Hà, Văn thư Văn phòng Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang

¹² Văn bản số 1092/STP-VP ngày 19/12/2020; Văn bản số 1187/STP-VP ngày 30/12/2020

16/2015/NĐ-CP; Nghị định số 54/2016/NĐ-CP; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ

Hiện nay, Sở Tư pháp có 2/3 đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ về chi thường xuyên là Phòng Công chứng số 1 và Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản (đạt 100%). Số thu của đơn vị sự nghiệp được giao tự chủ đều theo chỉ tiêu kế hoạch giao, cụ thể: tính đến hết quý III năm 2021 phòng Công chứng số 1 đã thu 1.875.323.000 đồng; Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thu 1.087.545.664 đồng.

6. Về hiện đại hóa nền hành chính nhà nước

6.1. Tình hình ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của cơ quan

a) Tình hình triển khai ứng dụng CNTT; xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 35/KH-STP ngày 21/9/2020 về ứng dụng công nghệ thông tin năm 2021. Duy trì ứng dụng có hiệu quả **15** phần mềm trong quản lý, chỉ đạo điều hành công việc và giải quyết thủ tục hành chính¹³ tại Sở Tư pháp. 100% văn bản đến và đi (*trừ văn bản, tài liệu mật*) được xử lý, ký số trên phần mềm Quản lý văn bản và điều hành Sở Tư pháp và qua môi trường mạng. Xây dựng và duy trì trang Fanpage Facebook Ngành tư pháp, Sở Tư pháp, Nhóm Zalo để trao đổi công việc của Khối Văn phòng Sở Tư pháp và của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cấp huyện, Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã, đồng thời giải đáp, tháo gỡ vướng mắc ngay khi có phản ánh, ý kiến của cán bộ ngành tư pháp trên các trang mạng nêu trên. Trong kỳ báo cáo đã tiếp nhận và trả lời 06 câu hỏi của Công dân trên trang Fanpage Facebook Sở Tư pháp Tuyên Quang; đăng tải, chia sẻ **1.084** tin, bài, ảnh, văn bản, tài liệu, thông tin pháp luật (*tăng 739 tin, bài, ảnh, tài liệu so với cùng kỳ năm 2020*) trên Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp, Trang Thông tin điện tử Phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh và Fanpage Phổ biến giáo dục pháp luật Tuyên Quang¹⁴, tiếp cận 11.249 người, thu hút 1.735 lượt tương tác, chia sẻ (*tăng 1.156 lượt tiếp cận và 632 lượt tương tác, chia sẻ so với cùng kỳ năm 2020*).

b) Tình hình triển khai và sử dụng phần mềm quản lý văn bản; sử dụng thư điện tử và trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước; hoạt động của trang thông tin điện tử; việc triển khai thực hiện dịch vụ bưu chính công ích

¹³ Gồm: (1) Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; (2) Hệ thống một cửa điện tử tỉnh Tuyên Quang; (3) Hệ thống quản lý lý lịch tư pháp dùng chung; (4) Hệ thống cơ sở dữ liệu công chứng và thông tin ngăn chặn; (5) Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh Tuyên Quang thuộc cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật; (6) Phần mềm quản lý tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý; (7) Hệ thống thông tin quản lý hộ tịch; (8) Phần mềm công cụ quản lý hồ sơ quốc tịch cho Sở Tư pháp; (9) Phần mềm thống kê Ngành Tư pháp; (10) Hệ thống phần mềm quản lý thông tin đấu giá tài sản; (11) Phần mềm quản lý thông tin công chứng viên và tổ chức hành nghề công chứng; (12) Hệ thống phần mềm quản lý chứng thực tỉnh Tuyên Quang; (13) Hệ thống quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Tuyên Quang; (14) Phần mềm Kế toán Misa; (15) Phần mềm dịch vụ cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến.

¹⁴ Gồm: 371 tin, bài, ảnh, văn bản trên Trang Thông tin điện tử Phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Tuyên Quang; 1.442 tin, bài, ảnh, văn bản trên Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp; chia sẻ 203 thông tin Fanpage Phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Tuyên Quang

- 100% văn bản đến và đi (*trừ văn bản, tài liệu mật*) được xử lý trên phần mềm Quản lý văn bản và điều hành Sở Tư pháp và qua môi trường mạng, trong kỳ báo cáo đã trao đổi **3.437** lượt văn bản, tài liệu điện tử với các cơ quan, đơn vị (*tăng 2.273 lượt so với cùng kỳ năm 2020*); 100% văn bản phát hành của Sở Tư pháp, văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh Tuyên Quang được ký số trước khi phát hành và cập nhật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật (*vbpl.vn*).

- Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp đã đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo các quy định pháp luật hiện hành, cung cấp đầy đủ các thông tin theo quy định và thường xuyên được cập nhật thông tin mới.

- Tiếp tục triển khai thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp. Tích cực vận động người dân sử dụng dịch vụ bưu chính công ích trong trả kết quả hồ sơ yêu cầu giải quyết TTHC. Kết quả, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Tư pháp đã tiếp nhận **89/445** hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích, chiếm 20,2% và **360/445** hồ sơ trực tuyến, chiếm 81,6%; trong đó trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích **298/359** hồ sơ, chiếm 83%.

c) Kết quả thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025

Sở Tư pháp tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025, trong kỳ báo cáo đã ban hành **17** văn bản triển khai tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển Chính phủ điện tử thuộc chức năng, nhiệm vụ của Sở Tư pháp; tích hợp, cung cấp trên cổng dịch vụ công Quốc gia **20** dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp; triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đối với 59 thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tư pháp theo Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 30/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2021. Tiếp tục sử dụng Dịch vụ công trực tuyến cấp phiếu lý lịch tư pháp (*được triển khai từ năm 2016*), Hệ thống một cửa điện tử (*được triển khai từ tháng 11/2017*) tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính của Sở Tư pháp;. Trong quý III năm 2021, số TTHC được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 có phát sinh hồ sơ yêu cầu giải quyết là 07 TTHC với 360 hồ sơ.

6.2. Tình hình xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của cơ quan, đơn vị

Sở Tư pháp đang xây dựng, hoàn thiện quy trình Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với 121 quy trình/14 lĩnh vực hoạt động của Sở Tư pháp theo Quyết định số 1057/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 về việc công bố danh mục 181 TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Sở Tư pháp đã tích cực chủ động tham mưu với UBND tỉnh thực hiện cải cách thể chế, cải cách TTHC trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Lãnh đạo Sở Tư pháp đã sát sao, quyết liệt chỉ đạo triển khai công tác cải cách hành chính của Sở Tư pháp. Kết quả trên tất cả lĩnh vực công tác cải cách hành chính đều đạt hiệu quả tích cực. Chất lượng công tác cải cách thủ tục hành chính ngày càng được nâng cao. Thực hiện nghiêm túc việc cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân. Chủ động, tích cực trong việc tham mưu triển khai thực hiện tinh gọn tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW. Thường xuyên quán triệt triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về *tăng cường kỷ luật, kỷ cương cơ quan hành chính nhà nước các cấp*; công chức, viên chức, người lao động nêu cao tinh thần trách nhiệm, chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong thực hiện nhiệm vụ. Quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước và nguồn thu sự nghiệp tiết kiệm, hiệu quả. Triệt để ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều hành giải quyết các thủ tục hành chính và các công việc của cơ quan, của ngành.

2. Khó khăn, vướng mắc

- Hệ thống Một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công của tỉnh còn chưa kết nối được với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành tư pháp dẫn đến khó khăn trong việc đẩy mạnh giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Các hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, giải quyết thủ tục hành chính (phần mềm quản lý văn bản và điều hành; hệ thống một cửa điện tử; các phần mềm chuyên ngành khác...) hoạt động chưa ổn định, có trường hợp chưa thực sự phù hợp, đáp ứng nhu cầu sử dụng của cơ quan, đơn vị.

- Kinh phí cấp cho công tác số hóa sở hộ tịch điện tử còn ít, chưa đáp ứng yêu cầu để thực hiện Kế hoạch số hóa Sở hộ tịch theo lộ trình đã được đề ra tại Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 30/9/2019 của UBND tỉnh.

- Theo Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 21/01/2021 của UBND tỉnh về số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các

cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2020-2025 theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ theo đó giao Sở Tư pháp thực hiện rà soát, số hóa 100% kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực hoàn thành xong trước ngày 31/12/2021. Sở Tư pháp đã thực hiện rà soát, tổng hợp khối lượng kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền và đề xuất nhu cầu số hóa, lưu trữ kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp (*Văn bản số 611/STP-VP ngày 17/6/2021*). Trong quá trình lập dự toán còn có một số nội dung khó khăn, vướng mắc, Sở Tư pháp đã có văn bản đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn (*Văn bản số 937/STP-VP ngày 20/8/2021*), tuy nhiên đến nay chưa nhận được văn bản, thông tin hướng dẫn chính thức của Sở Thông tin và truyền thông.

- Do ảnh hưởng của đại dịch covid-19 và số văn phòng công chứng tư nhân trên địa bàn tỉnh tăng, nên số việc công chứng đã có sự chia sẻ giữa các tổ chức hành nghề công chứng, vì vậy số việc công chứng và số thu phí, lệ phí, thù lao của Phòng công chứng số 1 ngày càng giảm nhiều.

- Một số TTHC tại cấp xã như: thủ tục đăng ký kết hôn; đăng ký khai sinh; đăng ký khai tử... phải được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ¹⁵, UBND tỉnh¹⁶ nhưng mới chỉ được triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 chưa triển khai thực hiện được ở mức độ 4¹⁷, nguyên nhân là do các quy định pháp luật liên quan đến quy trình, trình tự thủ tục thực hiện các thủ tục hành chính nêu trên (*Luật Hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành*) chưa được sửa đổi, bổ sung nên chưa có cơ sở để triển khai thực hiện.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ IV NĂM 2021

1. Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền phổ biến kịp thời đến công chức, viên chức, người lao động cơ quan, đơn vị các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh liên quan đến việc thực hiện cải cách hành chính; nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính.

2. Tích cực tham mưu UBND tỉnh trong thực hiện cải cách thể chế; tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình công tác chủ yếu của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2021; xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tư pháp; triển khai thực hiện kế hoạch công tác theo dõi thi hành, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh. Tổ

¹⁵ Quyết định số 406/QĐ-TTg ngày 22/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia năm 2021; Văn bản số 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020 của Văn phòng Chính phủ về việc nâng cao Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam theo đánh giá của Liên Hợp quốc;

¹⁶ Văn bản số 2389/UBND-KSTT ngày 03/8/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai Văn bản số 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020 của Văn phòng Chính phủ.

¹⁷ theo hướng dẫn của Cục Công nghệ thông tin, Bộ Tư pháp tại Văn bản số 185/CNTT-PM&CSDL ngày 22/4/2021 về việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trong lĩnh vực hộ tịch thì các thủ tục hành chính đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn và đăng ký khai tử hiện nay chỉ có thể triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến tối đa là mức độ 3 mà chưa thể triển khai đến mức độ 4.

chức thẩm định và tham gia ý kiến vào dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo kịp thời, có chất lượng.

3. Tích cực đẩy mạnh triển khai có hiệu quả chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; tổ chức cung cấp có hiệu quả dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 thuộc thẩm quyền. Duy trì thực hiện tốt việc giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực tư pháp, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khi tìm hiểu và thực hiện thủ tục hành chính. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động quản lý điều hành và hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan.

Sở Tư pháp trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Sở Nội vụ;
- Giám đốc Sở;
- Các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Website STP;
- Lưu: VT, VP. N.H.Huong.12b.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thục

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ III NĂM 2021
(Kèm theo Báo cáo số /BC-STP ngày tháng 9 năm 2021 của Sở Tư pháp)

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-------------|--|------------------|---------|--|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1. | Công tác chỉ đạo điều hành CCHC | | | |
| 1.1. | Kế hoạch CCHC | | | |
| 1.1.1. | Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch | Nhiệm vụ | 57 | Trong kỳ báo cáo có 57 nhiệm vụ được đề ra theo Kế hoạch, trong đó có 49/57 nhiệm vụ được thực hiện thường xuyên; 08/57 nhiệm vụ có thời hạn thực hiện |
| 1.1.2. | Số nhiệm vụ đã hoàn thành | Nhiệm vụ | 57 | |
| 1.1.3. | Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành | Văn bản | 53 | |
| 1.2. | Kiểm tra CCHC | | | |
| 1.2.1 | Số cơ quan, đơn vị trực thuộc đã kiểm tra | Cơ quan, đơn vị | 0 | |
| 1.2.2 | Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra | Vấn đề | 0 | |
| 1.2.3 | Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong | Vấn đề | 0 | |
| 1.3. | Thực hiện nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh giao | | | |
| 1.3.1. | Tổng số nhiệm vụ được giao | Nhiệm vụ | 42 | |
| 1.3.2. | Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn | Nhiệm vụ | 42 | |
| 1.3.3. | Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn | Nhiệm vụ | 0 | |
| 1.4. | Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức | | | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|---|---|----------|--|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1.4.1. | Số lượng phiếu khảo sát | Số lượng | 506 lượt | Trong đó, trực tuyến: 445 phiếu; phát phiếu: 61 phiếu |
| 1.4.2. | Hình thức khảo sát | Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2 | 2 | |
| 1.5. | Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp | Không = 0; Có = 1 | 1 | |
| 2. | Cải cách thể chế | | | |
| 2.1. | Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành | Văn bản | 04 | |
| 2.2. | Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền | Văn bản | 0 | |
| 2.3. | Số VBQPPL đã rà soát | Văn bản | 10 | |
| 2.4. | Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát | Văn bản | 10 | |
| 2.5. | Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong | Văn bản | 10 | |
| 3. | Cải cách thủ tục hành chính | | | |
| 3.1. | Thống kê TTHC | | | |
| 3.1.1. | Số TTHC công bố mới | Thủ tục | 181 | Trong đó có 08 TTHC dùng chung (04 TTHC dùng chung 3 cấp tỉnh, huyện, xã; 01 TTHC dùng chung cấp tỉnh, huyện; 03 TTHC dùng chung cấp huyện, xã). |
| 3.1.2. | Số TTHC bãi bỏ, thay thế | Thủ tục | 217 | |
| 3.1.3. | Tổng số TTHC đang có hiệu lực | Thủ tục | 181 | Trong đó có 08 TTHC dùng chung (04 TTHC dùng chung 3 cấp tỉnh, huyện, xã; 01 TTHC dùng chung cấp tỉnh, huyện; 03 TTHC dùng chung cấp |
| Trong | Số TTHC cấp tỉnh: | Thủ tục | 116 | |
| | Số TTHC cấp huyện: | Thủ tục | 24 | |

| STT đó | Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|---|------------------|---------|--------------------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| | Số TTHC cấp xã: | Thủ tục | 33 | <i>huyện, xã).</i> |
| 3.2. | Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông | | | |
| 3.2.1. | Số TTHC liên thông cùng cấp | Thủ tục | 06 | |
| 3.2.2. | Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền | Thủ tục | 18 | |
| 3.2.3. | Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ | % | 100 | |
| 3.2.4. | Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa | % | 100 | |
| 3.3. | Kết quả giải quyết TTHC | | | |
| 3.3.1. | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ban, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn | % | 100 | |
| 3.3.2. | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn | % | - | |
| 3.3.3. | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn | % | - | |
| 3.3.4. | Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn | % | - | |
| 3.3.5. | Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn | % | - | |
| 3.4. | Vận hành Cổng dịch vụ công | | | |
| 3.4.1. | Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC | Thủ tục | 181 | |
| 3.4.2. | Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC | Thủ tục | 118 | |
| 3.4.3. | Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến | Thủ tục | 24 | |
| 4. | Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước | | | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|----------|---|------------------|---------|--|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 4.1. | Cơ cấu tổ chức bộ máy | | | |
| 4.1.1. | Số tổ chức đầu mối trực thuộc (phòng, ban và tương đương) | Cơ quan, đơn vị | 04 | Gồm: Văn phòng Sở; Thanh tra Sở; Phòng Xây dựng, kiểm tra, thi hành pháp luật và phổ biến giáo dục pháp luật; Phòng Bổ trợ và Hành chính tư pháp |
| 4.1.2. | Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp huyện | Cơ quan, đơn vị | - | |
| 4.1.3. | Số tổ chức liên ngành do cơ quan, đơn vị là cơ quan Thường trực đối với các tổ chức do tỉnh thành lập | Cơ quan, đơn vị | 02 | |
| 4.1.4. | Số tổ chức liên ngành do UBND cấp huyện thành lập | Cơ quan, đơn vị | - | |
| 4.1.5. | Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc | Cơ quan, đơn vị | 03 | |
| Trong đó | Số ĐVSNNCL thuộc sở, ngành và tương đương | Cơ quan, đơn vị | 03 | |
| | Số ĐVSNNCL thuộc UBND cấp huyện | Cơ quan, đơn vị | - | |
| | Tỷ lệ ĐVSNNCL đã cắt giảm so với năm 2015 | % | 0 | |
| 4.2. | Số liệu về biên chế công chức | | | |
| 4.2.1. | Tổng số biên chế được giao trong năm | Người | 24 | Không bao gồm người lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP |
| 4.2.2. | Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo | Người | 23 | |
| 4.2.3. | Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước | Người | 03 | |
| 4.2.4. | Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo | Người | 0 | |
| 4.2.5. | Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015 | % | 14,3 | |
| 4.3. | Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập | | | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|--|-------------------------------------|---------|---|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 4.3.1. | Tổng số người làm việc được giao | Người | 17 | Không bao gồm người lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP |
| 4.3.2. | Tổng số người làm việc có mặt | Người | 16 | |
| 4.3.3. | Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo | Người | 0 | |
| 4.3.4. | Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015 | % | 7,1 | |
| 5. | Cải cách chế độ công vụ | | | |
| 5.1. | Vị trí việc làm của công chức, viên chức | | | |
| 5.1.1. | Việc phê duyệt vị trí việc làm theo quy định | Phê duyệt = 1 Chưa phê duyệt = 0 | 1 | |
| 5.1.2. | Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định | Cơ quan, đơn vị | 03 | |
| 5.1.3. | Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra | Cơ quan, đơn vị | 0 | |
| 5.2. | Tuyển dụng công chức, viên chức | | | |
| 5.2.1. | Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển) | Người | 0 | |
| 5.2.2. | Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt | Người | 0 | |
| 5.2.3. | Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên. | Người | - | |
| 5.2.4. | Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển) | Người | 0 | |
| 5.2.5. | Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt | Người | 0 | |
| 5.3. | Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo | | | |
| 5.3.1. | Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển | Đã thực hiện = 1 | 0 | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|---|-----------------------|---------|---------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| | | Chưa thực hiện = 0 | | |
| 5.3.2. | Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới | Người | 0 | |
| 5.3.3. | Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới | Người | 02 | |
| 5.3.4. | Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới | Người | - | |
| 5.4. | Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền). | | 0 | |
| 5.4.1. | Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật | Người | 0 | |
| 5.4.2. | Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật | Người | 0 | |
| 5.4.3. | Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật | Người | 0 | |
| 6. | Cải cách tài chính công | | | |
| 6.1. | Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo) | Đơn vị | 0 | |
| 6.2. | Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo) | Đơn vị | 2 | |
| 6.3. | Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo) | Đơn vị | 0 | |
| 6.4. | Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo) | Đơn vị | 1 | |
| 6.5. | Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ | Đơn vị | 0 | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|----------|---|--|---------|--|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| | phân (lũy kế đến thời điểm báo cáo) | | | |
| 7. | Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số | | | |
| 7.1. | Triển khai Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0 | Chưa = 0 Hoàn thành = 1 | 0 | Tỉnh Tuyên Quang chưa ban hành Khung kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0 |
| 7.2. | Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i> | Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2 | 1 | |
| 7.3. | Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số. | Chưa cấp = 0 Đã cấp = 1 | 1 | |
| 7.4. | Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP). | Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2 | - | |
| 7.5. | Số liệu về trao đổi văn bản điện tử | | | |
| 7.5.1. | Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã | | | |
| Trong đó | Sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh | Chưa kết nối = 0 Đã kết nối = 1 | 1 | |
| | UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh | Chưa kết nối = 0 Đã kết nối = 1 | - | |
| | UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện. | Chưa kết nối = 0 | - | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i> | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|----------|--|------------------------------------|---------|--|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| | | Đã kết nối = 1 | | |
| 7.5.2. | Tổng số văn bản đi giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh | Văn bản | | |
| Trong đó | Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử <i>(Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)</i> | % | 100 | 100% văn bản phát hành đi của Sở Tư pháp được gửi hoàn toàn trên môi trường điện tử <i>(trừ các Văn bản, tài liệu bắt buộc phải gửi kèm bản giấy theo quy định tại Văn bản số 873/UBND-NC ngày 30/3/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục văn bản điện tử không kèm bản giấy)</i> |
| | Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy | % | 0 | |
| 7.6. | Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh | | | |
| 7.6.1. | Sở, ban, ngành kết nối liên thông với Hệ thống | Chưa kết nối = 0 Đã kết nối = 1 | 1 | |
| 7.6.2. | UBND cấp huyện kết nối liên thông với Hệ thống | Chưa kết nối = 0 Đã kết nối = 1 | - | |
| 7.6.3. | UBND cấp xã kết nối liên thông với Hệ thống | Chưa kết nối = 0 Đã kết nối = 1 | - | |
| 7.7. | Dịch vụ công trực tuyến | | | |
| 7.7.1. | Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 | TTHC | 30 | |
| 7.7.2. | Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4 | TTHC | 88 | |
| 7.7.3. | Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3 | % | 100 | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|--------|--|------------------|---------|---------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 7.7.4. | Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4 | % | 100 | |

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÔNG TÁC CẢI CÁCH THỂ CHẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**
(Kèm theo Báo cáo số /BC-STP ngày tháng 9 năm 2021 của Sở Tư pháp)

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----|--|------------------|---------|---------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1 | Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành | Văn bản | 4 | |
| 2 | Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền | Văn bản | 0 | |
| 3 | Số VBQPPL đã rà soát | Văn bản | 10 | |
| 4 | Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát | Văn bản | 10 | |
| 5 | Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong | Văn bản | 10 | |